TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-PT.
Ngày 16/4/2019.
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhiên.
Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng
Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang***: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày ……., tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLPT- HNGĐ ngày 15/3/2019 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2018/HNGĐ-ST ngày 25/12/2018 của Toà án nhân dân huyện L có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐ-PT ngày 02/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991.
HKTT: Thôn Ch, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Địa chỉ hiện tại: Đ, LC, T, Bắc Giang.
- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1989
HKTT: Thôn Ch, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- *Người kháng cáo*: Anh Phạm Văn Th - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2018 và những lời khai của chị Nguyễn Thị L, lời khai của bị đơn anh Phạm Văn Th và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Th kết hôn vào tháng 12/2012. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị L anh Th có đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện L đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị L anh Th về chung sống cùng nhau ngay ở tại thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Chị L anh Th cho rằng hai vợ chồng chỉ chung sống với nhau được khoảng một năm đến năm 2013 thì phát

sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Cũng từ tháng 01/2015, chị L anh Th sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên có níu kéo nhưng không được. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng với anh Th không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Anh Th xác định tình cảm với chị L không còn chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L anh Th có 01 con chung là cháu Phạm Trung D, sinh ngày 10/10/2013. Vợ chồng ly hôn, chị L anh Th đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L anh Th đều xác nhận không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2018/HNGĐ-ST ngày 25/12/2018 của Toà án nhân dân huyện L đã quyết định:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn Th.

2. Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Trung D, sinh ngày 10/10/2013. AnhTh được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 28/01/2019, anh Phạm Văn Th là bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang về phần con chung; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử lại bản án này, giao con chung là cháu Phạm Trung D sinh ngày 10/10/2013 cho anh Th nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên toà phúc thẩm, ...
.....
.....
.....
.....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng

xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của anh Phạm Văn Th, Hội đồng xét xử thấy:

Về con chung: Chị L, anh Th có 01 con chung là: Cháu Phạm Trung D - Sinh ngày 10/10/2013. Khi ly hôn, chị L và anh Th đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy nguyện vọng về nuôi con chung của chị L và anhTh là chính đáng, cháu Phạm Trung D là con chung duy nhất của chị L và anhTh. Do vậy chị L và anh Th đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục để cháu D phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần.

Về điều kiện nuôi con: Qua xác minh ở địa phương, anh Th vắng mặt tại địa phương, đi đâu làm gì địa phương không nắm được. Do vậy, anh Th không thể trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu D. Trong khi đó, chị L hiện đang là công nhân Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam tại KCN Y, xã YT, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh có thu nhập trung bình hàng tháng 10.000.000 đồng nên đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Tòa sơ thẩm xử giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Trung D, sinh ngày 10/10/2013 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Phạm Văn Th không được chấp nhận nên anh Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148- Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 29- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 148 BLTTDS; khoản 1 điều 26, khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Trung D, sinh ngày 10/10/2013. AnhTh được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

* Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên lai thu số: AA/2018/0005028 ngày 13/8/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

* Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Văn Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng anh Th đã nộp tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2018/0005290 ngày 01/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Th đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện L;
-Chi cục THADS huyện L;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Văn Nhiên